

Số: 1874/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 20 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2490/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn: Ông Mai Tuấn C, sinh năm 1989.**
- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991.**

Cùng địa chỉ: 82A, tổ 2, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Tuấn Cường và bà Nguyễn Thị Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Mai Tuấn C và bà Nguyễn Thị Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai Nguyễn Tuấn Minh, sinh ngày 01/01/2012 và Mai Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 02/06/2016 cho bà Quỳnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Cường phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng/2 cháu) (kể từ tháng 10/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông C, bà Q tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ông C, bà Q trình bày không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí HNGĐ: Ông Mai Tuấn C tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn hòa giải thành 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004100 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa; ông Cường đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy